TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản số: 28/2024/HS-ST
Ngày 24 - 7 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Bùi Thị Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Đang

Ông Phạm Ngọc Quang

- Thư ký phiên toà: Bà Ninh Thị Thanh Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 21/2024/TLST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Hoàng Việt H, sinh năm 1960, tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú xóm A, V, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp trước khi phạm tội Chủ tịch Hội đồng quản trị Hợp tác xã N3; trình độ văn hóa 10/10; là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 93 - QĐ/UBKT ngày 04 tháng 06 năm 2024 của U, tỉnh Ninh Bình; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T và bà Lê Thị T1 (đều đã chết); có vợ: Bùi Thị H1 và 02 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- Bị hại:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh N.

Địa chỉ: Số C, Lê Hồng P, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. *Người đại diện theo pháp luật*: Ông Phạm Quang N - Chủ tịch UBND tỉnh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị Mỹ H2 - Phó Giám đốc Sở Tài chính tỉnh N (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

+ Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân T2 - Chủ tịch UBND huyện.

Địa chỉ: Khu phố A, thị Trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

+ Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Văn T3 - Phó Trưởng phòng

Nông nghiệp, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Phạm Đăng N1, sinh năm 1959; nơi cư trú xóm G, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người làm chứng:* Ông Lương Tiến S, chị Ngô Phương T4, ông Hoàng Văn C, chị Bùi Thị Thanh H3, ông Phạm Hồng S1, ông Nguyễn Mạnh T5, chị Vũ Thị Tố L, chị Phạm Thị M, ông Trần Quang C1, ông Đỗ Văn T6, anh Vũ Văn T7 (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hợp tác xã N3 (viết tắt là HTX N3), thuộc xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình được thành lập tháng 4/2021 trên cơ sở hợp nhất 02 HTX N4 và HTX N4 của xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Hội đồng quản trị HTX gồm có 03 người là Hoàng Việt H, sinh năm 1960, trú quán xóm A V, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình là chủ tịch hội đồng quản trị, Vũ Văn T7, sinh năm 1983, trú quán xóm B X, xã K, huyện Y làm giám đốc hợp tác xã và Đỗ Văn T6, sinh năm 1964, trú quán xóm H X, xã K, huyện Y là thành viên hội đồng quản trị.

Từ năm 2021 đến năm 2022, lợi dụng chính sách hỗ trợ nông nghiệp theo các Nghị quyết số 39/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 và Nghị quyết số 113/2020/NQ-HĐND 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh N quy định chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, hình thức sản xuất tiên tiến, bền vững trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2019-2020 đến hết năm 2021; Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Y về xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu huyện Y giai đoạn 2021-2025, Hoàng Việt H đã có hành vi gian dối lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ nâng khống giá mua máy nông nghiệp cao hơn thực tế để chiếm đoạt ngân sách Nhà nước với tổng số tiền 316.350.000 đồng, cụ thể như sau:

Ngày 12/12/2018, Hội đồng nhân dân tỉnh N ban hành Nghị quyết số 39/2018/NQ-HĐND (viết tắt là Nghị quyết số 39/NQ) quy định chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, hình thức sản xuất tiên tiến, bền vững trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2019-2020. Trong đó: Hỗ trợ cơ giới hóa nông nghiệp, gồm mua sắm máy móc, thiết bị nông nghiệp và phục vụ nông nghiệp; ưu tiên cấy lúa, sơ chế, sấy, bảo quản nông sản, với mức hỗ trợ 50% kinh phí mua sắm máy móc, thiết bị, tối đa không quá 150 triệu đồng/máy. Hỗ trợ cho đối tượng là: Doanh nghiệp, Hợp tác xã, hộ trang trại, hộ gia trại. Ngày 09/12/2020, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị Quyết số 113/2020/NQ-HĐND (viết tắt là Nghị quyết số

113/NQ) về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39/2018/NQ-HĐND, thời gian thực hiện đến hết năm 2021.

Tại Hướng dẫn số 1919/SNN-KHTC ngày 11/8/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh N, quy định quy trình thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 113/NQ-HĐND của HĐND tỉnh cụ thể như sau:

- Các tổ chức, cá nhân trong diện đối tượng được hỗ trợ theo Nghị quyết 113 (gồm doanh nghiệp, Hợp tác xã, hộ trang trại, hộ gia trại) có nhu cầu mua máy nông nghiệp viết đơn đề nghị hỗ trợ thực hiện mô hình mua máy nông nghiệp gửi đến UBND xã, phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện kèm theo Bản thuyết minh thực hiện mô hình, dự án.

- Phòng Nông nghiệp huyện phối hợp với đại diện Sở Nông nghiệp, Sở Tài chính, UBND xã nơi có mô hình, dự án tiến hành kiểm tra điều kiện về quy mô sản xuất, nội dung hỗ trợ, đối tượng hỗ trợ ..; lập biên bản kiểm tra điều kiện mô hình, dự án của tổ chức, cá nhân đã đề nghị hỗ trợ.

- Các tổ chức, cá nhân tự khảo sát, bỏ tiền ra mua máy nông nghiệp và thu thập các hồ sơ liên quan đến việc mua máy (báo giá, hợp đồng mua máy, hóa đơn, phiếu kiểm định, phiếu xuất kho, phiếu thu tiền…), lập báo cáo đánh giá hiệu quả mô hình gửi đến UBND xã và Phòng Nông nghiệp huyện để đề nghị nghiệm thu.

- Phòng Nông nghiệp huyện phối hợp với đại diện Sở Nông nghiệp, Sở tài chính, UBND xã nơi có mô hình, dự án tiến hành kiểm tra, lập biên bản nghiệm thu mô hình, dự án hoàn thành đề nghị hỗ trợ. Căn cứ hồ sơ đề nghị hỗ trợ, Sở Nông nghiệp tổ chức thẩm định, lấy ý kiến góp ý của Sở T, ban hành quyết định hỗ trợ kinh phí sau đầu tư đối với các mô hình, dự án, gửi Sở tài chính để thông báo cấp phát kinh phí.

Vụ chiêm xuân năm 2021, HTX N3 có thuê máy cấy lúa của xã K, huyện Y về cấy cho người dân trên địa bàn xã, thấy việc cấy bằng máy rất nhanh, tiết kiệm được thời gian, công sức, sau khi được UBND xã K quán triệt, triển khai về chính sách hỗ trợ máy nông nghiệp theo Nghị quyết 39/NQ và Nghị quyết 113/NQ, Hoàng Việt H đã biết rõ về chính sách hỗ trợ của UBND tỉnh đối với máy cấy sẽ được hỗ trợ tối đa 50% kinh phí mua máy nhưng không quá 150.000.000 đồng/máy nên H đã nảy sinh ý định nâng khống giá máy nhằm nhận được tối đa tiền hỗ trợ từ ngân sách của nhà nước. Để thực hiện việc này, H đã bàn với các thành viên Hội đồng quản trị của HTX N3 mua 03 máy cấy để được nhận 450.000.000 đồng tiền hỗ trợ từ ngân sách tỉnh. Tuy nhiên, do HTX N3 mới được hợp nhất từ HTX N4 và HTX N4 từ tháng 4/2021 không có vốn nên các thành viên HĐQT đều không hưởng ứng, tham gia vì vậy Hoàng Việt H đã thực hiện một mình. H đã đến UBND xã K đăng ký mua 03 máy cấy lúa theo diện hỗ trợ cho hộ gia trại của mình. Căn cứ theo đề nghị của H, UBND xã K đã có Tờ trình gửi UBND huyện Y và Phòng Nông nghiệp về việc hỗ trợ dự án

mua 03 máy cấy lúa lớn phục vụ sản xuất nông nghiệp cho hộ gia trại Hoàng Việt H.

Căn cứ vào đăng ký của các xã trên địa bàn huyện, ngày 27/9/2021, UBND huyện Y đã có Tờ trình số 289/TTr-UBND về việc đề nghị phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện mô hình theo Nghị quyết số 113/2020/NQ-HĐND (đợt 2) và thuyết minh đề xuất kèm theo gửi đến Sở NN&PTNT trong đó xã K có hộ gia trại Hoàng Việt H đăng ký hỗ trợ mua 03 máy cấy mới nhãn hiệu Kuboka với kinh phí là 350.000.000 đồng/máy, tổng là 1.050.000.000 đồng, mức đề nghị hỗ trợ là 450.000.000 đồng.

Sau khi được phê duyệt, H đã tìm hiểu thông tin, địa chỉ nơi mua máy và đi xem máy, đồng thời liên hệ với Phòng nông nghiệp huyện Y và được bà Ngô Phương T4, sinh năm 1986, trú tại phố M, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình là viên chức Phòng nông nghiệp hướng dẫn lập, hoàn thiện hồ sơ thực hiện dự án. H đã xin mẫu đơn đề nghị theo hướng dẫn của Phòng nông nghiệp, sau đó ghi nội dung đề nghị hỗ trợ, xin UBND xã K xác nhận để nộp cho Phòng nông nghiệp và đưa vào hồ sơ xin hỗ trợ của dự án.

Ngày 18/11/2021,UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1271/QĐ-UBND về việc phân bổ kinh phí thực hiện các mô hình, dự án theo chính sách hỗ trợ của Nghị quyết 113/2020/NQ-HĐND (đợt 2). Trong đó, kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ đối với mô hình hỗ trợ 03 máy cấy của Hoàng Việt H là 450.000.000 đồng (tương ứng với mức hỗ trợ tối đa 150.000.000 đồng/máy, giá máy trên hồ sơ của Hoàng Việt H là 350.000.000 đồng/máy) từ nguồn Ngân sách tỉnh năm 2021. UBND huyện Y đã xây dựng Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 25/11/2021 về việc thực hiện các mô hình, dự án và giao cho Phòng Nông nghiệp chủ trì, chịu trách nhiệm phối hợp với UBND xã và các đơn vị có liên quan thực hiện các mô hình, dự án theo đúng đối tượng, đúng mục đích, tiến độ, thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định của Nhà nước; phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì phối hợp với Phòng nông nghiệp và các đơn vị có liên quan kiểm tra, xem xét các tài liệu hỗ trợ, thanh quyết toán, quản lý cấp phát nguồn kinh phí.

Để kiểm tra điều kiện đối với dự án, hỗ trợ 03 máy cấy của Hoàng Việt H, ngày 02/12/2021 Ủy ban nhân dân huyện Y đã mời Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở tài chính, UBND xã K về kiểm tra, hiện trạng hạ tầng kỹ thuật thực hiện dự án đoàn kiểm tra gồm: Đại diện Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn ông Phạm Hồng S1 là trưởng phòng Kế hoạch tài chính; đại diện Sở tài chính không có người tham gia; đại diện UBND huyện Y ông Nguyễn Mạnh T5 phó trưởng phòng nông nghiệp, bà Ngô Phương T4 là viên chức phòng nông nghiệp và bà Bùi Thị Thanh H3 là phó trưởng Phòng tài chính; đại diện UBND xã K, ông Lương Tiến S là phó Chủ tịch UBND và đại diện hộ gia trại Hoàng Việt H. Đoàn kiểm tra đã kiểm tra hiện trạng hạ tầng, kỹ thuật thực hiện dự án và đã ghi nhận hộ gia trại Hoàng Việt H đủ điều kiện để

được nhận hỗ trợ mua 03 máy cấy và yêu cầu H mua máy, hoàn thiện hồ sơ để được hỗ trợ theo đúng quy định của nhà nước.

Để triển khai thực hiện dự án Hoàng Việt H đã không mua máy cấy mới theo phê duyệt của dự án, H đến Cửa hàng M1 ở xã K, huyện Y, chủ cửa hàng là Phạm Đăng N1, sinh năm 1959, ở xóm G, xã K, huyện Y để mua 03 máy cấy nhãn hiệu Kubota đã qua sử dụng với giá 145.000.000đồng/máy, với tổng số tiền mua 03 máy là 435.000.000 đồng (trong đó tiền mua máy 382.500.000 đồng tiền hóa đơn 52.500.000 đồng) nhưng chưa thanh toán tiền cho ông N1. Cửa hàng M1 đăng kí nộp thuế tại Chi cục thuế khu vực K- Y, đã mua quyển hóa đơn bán hàng do Cục thuế tỉnh N phát hành để kê khai và nộp thuế. Theo quy định, mặt hàng máy nông nghiệp không phải chịu thuế giá trị gia tăng mà chỉ phải chịu thuế thu nhập cá nhân tương ứng 0,5% giá trị hóa đơn bán hàng. Do muốn thu lợi nên khi bán hàng, xuất hóa đơn ông N1 đều thỏa thuận với khách hàng thu từ 5-10% giá trị hóa đơn để nộp thuế. Khi mua máy H đặt vấn đề nhờ ông N1 thiết lập hồ sơ mua bán máy cấy là máy mới với giá 350.000.000 đồng/máy, bản thân ông N1 không biết về các chính sách hỗ trợ và không biết việc H sử dụng hồ sơ mua bán không đúng thực tế để làm gì nhưng vì muốn bán được máy cấy cho H và thu tiền bán hóa đơn nên đồng ý lập hồ sơ theo yêu cầu của H. Ngày 14/12/2021 N1 xuất 01 hóa đơn giá trị gia tăng số 0033827 ghi nội dung thể hiện Hoàng Việt H mua 03 máy cấy Kubota của N2 với giá là 350.000.000 đồng/máy, tổng cộng 03 máy là 1.050.000.000 đồng, N1 thu 5% phí trên tổng hóa đơn và số tiền Hoàng Việt H phải trả cho N1 là 52.500.000 đồng. Sau khi xuất hóa đơn cho H, Phạm Đăng N1 đã cung cấp cho H: 03 bản báo giá; 01 hợp đồng mua bán hàng hoá; 01 phiếu thu; 01 phiếu xuất kho, 01 biên bản giao nhận và nghiệm thu; 01 Giấy chứng nhận bảo hành, 01 biên bản thanh lý hợp đồng, 01 biên bản thương thảo hợp đồng tất cả đều ghi ngày 14/12/2021 và 03 bản thông số kỹ thuật máy cấy Kubota không ghi ngày, tháng.

Để hoàn thiện hồ sơ đề nghị hỗ trợ, Hoàng Việt H đã mang hồ sơ đến Phòng Nông nghiệp huyện Y nhờ bà Ngô Phương T4 kiểm tra hồ sơ, T4 đã giúp H chỉnh sửa, hoàn thiện các tài liệu gồm: Thuyết minh mô hình hỗ trợ máy cấy và báo cáo đánh giá hiệu quả mô hình máy cấy lúa đồng thời xin xác nhận của UBND xã K vào biên bản giao nhận và nghiệm thu máy cấy giữa H và cửa hàng M1 do ông Hoàng Văn C, chủ tịch UBND xã K ký xác nhận. Ngày 16/12/2021 Phòng nông nghiệp phối hợp với Sở N, UBND xã K tổ chức kiểm tra dự án hoàn thành nghiệm thu đề nghị hỗ trợ. Đoàn kiểm tra gồm: Đại diện Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn ông Phạm Hồng S1 là Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính; đại diện Sở Tài chính không có người tham gia; đại diện UBND huyện Y: Ông Nguyễn Mạnh T5 là phó trưởng phòng, bà Ngô Phương T4 là Viên chức Phòng Nông nghiệp và bà Bùi Thị Thanh H3 là phó trưởng Phòng Tài chính; đại diện UBND xã K: ông Lương Tiến S là Phó Chủ tịch UBND và đại diện hộ gia trại: Hoàng Việt H. Đ đã kiểm tra và ghi nhận Hoàng Việt H đã

mua 03 máy cấy và có đầy đủ hồ sơ thanh quyết toán theo quy định nhưng đoàn không xác minh trực tiếp đơn vị cung ứng hàng hóa, không phát hiện được việc H mua máy cấy đã qua sử dụng. Đoàn thống nhất nghiệm thu để H hoàn thiện thủ tục đề nghị hỗ trợ kinh phí mua 03 máy cấy.

Ngày 20/12/2021 Phòng nông nghiệp lập Tờ trình số 73/TTr-NN&PTNT gửi UBND huyện Y. Căn cứ Tờ trình của Phòng nông nghiệp, ngày 25/12/2021, UBND huyện Y đã lập Tờ trình số 430/TTr-UBND gửi đến Sở Nông nghiệp, Sở T đề nghị cấp kinh phí thực hiện theo Nghị quyết 113 kèm theo các hồ sơ đề nghị hỗ trợ, trong đó có hồ sơ của Hoàng Việt H đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ là 450.000.000 đồng. Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị hỗ trợ của hộ Hoàng Việt H, Sở NN&PTNT đã tiến hành thẩm định hồ sơ sau đó ban hành Văn bản số 114/SNN-KHTC ngày 18/01/2022 gửi đến Sở T đề nghị góp ý *(kèm theo bản phô tô hồ sơ đề nghị hỗ trợ của hộ gia trại Hoàng Việt H cùng với nhiều hồ sơ khác)*. Xét thấy hồ sơ đề nghị hỗ trợ máy cấy của ông Hoàng Việt H đã đầy đủ các tài liệu theo Hướng dẫn số 1919/SNN-KHTC ngày 11/8/2021 của Sở NN&PTNT, Sở T đã ban hành văn bản số 224/STC-NS ngày 24/01/2022 đề nghị Sở NN&PTNT phối hợp với UBND huyện Y trên cơ sở bản gốc hồ sơ và các hóa đơn, chứng từ được cung cấp, xem xét sự hợp lý về định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong mô hình, quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ sau đầu tư.

Ngày 24/01/2022, Sở NN&PTNT đã ban hành Quyết định số 45/QĐ-SNN về việc hỗ trợ kinh phí sau đầu tư thực hiện mô hình, dự án theo Nghị quyết số 113/2020/NQ-HĐND, trong đó quyết định mô hình hỗ trợ máy cấy của Hoàng Việt H được hỗ trợ số tiền 450.000.000 đồng (tương ứng với mức hỗ trợ tối đa là 150.000.000 đồng/máy) từ nguồn Ngân sách tỉnh năm 2021. Căn cứ Quyết định số 45, Sở T đã ban hành thông báo số 79/TB-STC-NS ngày 24/01/2022 về việc cấp bổ sung ngân sách năm 2021 cho UBND huyện Y để hỗ trợ sau đầu tư thực hiện Nghị quyết số 113/2020/NQ - HĐND và chuyển kinh phí hỗ trợ bằng hình thức cấp bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện vào tài khoản của UBND huyện Y tại Kho bạc nhà nước huyện Y. Đồng thời, ngày 24/01/2022, Phòng Nông nghiệp có tờ trình số 03/TTr-NN&PTNT về việc cấp đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ mua máy móc phục vụ sản xuất theo Nghị quyết 113. Căn cứ tờ trình số 03/TTr-NN&PTNT ngày 24/01/2022 của Phòng Nông nghiệp, ngày 25/01/2022, UBND huyện Y đã ban hành Quyết định số 70/QĐ-UBND về việc chuyển tiền hỗ trợ cho hộ gia trại Hoàng Việt H. Ủy ban ND xã K đã thông báo, yêu cầu H lập giấy đề nghị thanh toán và cung cấp hồ sơ đề nghị hỗ trợ cho UBND xã để làm thủ tục thanh toán. H đã mang bộ hồ sơ gốc về việc đề nghị hỗ trợ mua 03 máy cấy nêu trên nộp cho UBND xã K. Sau khi H nộp hồ sơ, UBND xã K đã lập giấy rút dự toán ngân sách nhà nước số 19/220126 -1070190-13118014 ngày 26/01/2022 để chuyển khoản số tiền hỗ trợ 450.000.000 đồng từ số tài khoản 9527.4.1070190

của UBND xã K tại kho bạc nhà nước huyện Y đến số tài khoản 3306215044538 của Hoàng Việt H mở tại Ngân hàng N5 chi nhánh huyện Y, sau khi nhận được tiền hỗ trợ, Hoàng Việt H đã sử dụng số tiền này để trả nợ tiền mua 03 máy cấy cho Cửa hàng Ngát Nhung của Phạm Đăng N1 là 435.000.000 đồng (gồm 382.500.000 đồng tiền mua máy và 52.500.000 đồng tiền mua hóa đơn), còn lại 15.000.000 đồng H chi tiêu cá nhân.

Căn cứ theo Nghị quyết 113 của HĐND tỉnh và ý kiến xác định của Sở T thì Hoàng Việt H được hưởng kinh phí hỗ trợ tương ứng với 50% giá trị máy thực tế đã mua là 145.000.000 x 50% x 3 máy = 217.500.000 đồng, Tuy nhiên, H đã lập "khống" hồ sơ mua bán, nâng giá trị 03 máy cao hơn thực tế, trong đó thể hiện kinh phí mua sắm là 1.050.000.000 đồng để được cấp kinh phí hỗ trợ 450.000.000 đồng, chênh lệch với số tiền được hưởng theo giá trị máy thực tế gây thiệt hại cho Ngân sách tỉnh là 450.000.000 – 217.500.000 = **232.500.000** đồng.

Để triển khai thực hiện nghị quyết số 113 của HĐND tỉnh N, ngày 10/11/2022 HĐND huyện Y ban hành Nghị quyết số 74/NQ-HĐND phê duyệt đề án xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu huyện Y giai đoạn 2021-2025, trong đề án có nội dung: "hỗ trợ đối với 10 máy cấy lớn, vốn Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 70 triệu đồng/dàn máy nhưng không vượt quá 29% tổng giá trị dàn máy". Sau khi tìm hiểu và biết về việc tiếp tục được hỗ trợ 03 máy cấy theo nghị quyết 74 của HĐND huyện, Hoàng Việt H đã đến phòng Nông nghiệp để hỏi về khoản hỗ trợ này.

Ngày 27/12/2022, Phòng nông nghiệp đã có Tờ trình số 33/TTr-NN&PTNT về việc đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ mua máy cấy phục vụ sản xuất theo Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND huyện Y, trong đó đề nghị hỗ trợ cho 03 máy cấy của Hoàng Việt H là 210.000.000 đồng (theo mức hỗ trợ tối đa quy định là 70.000.000 đồng/máy). Căn cứ Tờ trình số 33/TTr-NN&PTNT, ngày 31/12/2022, UBND huyện Y đã ban hành Quyết định số 914/QĐ-UBND về việc phê duyệt cấp kinh phí hỗ trợ mua máy cấy phục vụ sản xuất theo Nghị Quyết 74 của HĐND huyện Y, trong đó hộ gia trại Hoàng Việt H xã K được hỗ trợ 03 máy cấy lúa, kinh phí 210.000.000 đồng. Phòng Tài chính huyện Y đã ban hành Thông báo số 26/TB-TCKH ngày 10/01/2023 về việc cấp kinh phí năm 2022 cho các xã và chuyển giao số tiền hỗ trợ cho UBND xã K. UBND xã K đã thông báo, yêu cầu Hoàng Việt H tiếp tục cung cấp hồ sơ đề nghị hỗ trợ mua 03 máy cấy cho UBND xã để làm thủ tục thanh toán, chuyển tiền hỗ trợ. H đã mang 01 bộ hồ sơ phô tô từ bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo Nghị quyết 113 nộp cho UBND xã K. Ngày 17/01/2023 UBND xã K lập giấy rút dự toán ngân sách Nhà nước để chuyển khoản số tiền tiền hỗ trợ 210.000.000 đồng từ số tài khoản của UBND xã K 9527.4.1070190 tại kho bạc nhà nước huyện Y đến số tài khoản 3306215044538 của Hoàng Việt H mở tại Ngân hàng N5 - Chi

nhánh huyện Y. Sau khi nhận được tiền hỗ trợ, Hoàng Việt H đã sử dụng số tiền này để mua 4.000 khay mạ với giá 14.000đồng/chiếc hết 56.000.000 đồng, còn lại 154.000.000 đồng H sử dụng để sửa chữa máy cấy, mua giống, mua đất… và dùng vào việc chi tiêu cá nhân.

Căn cứ theo Nghị quyết 74 của HĐND huyện Y và ý kiến xác định của UBND huyện Y thì Hoàng Việt H được hưởng kinh phí hỗ trợ tương ứng với 29% giá trị máy thực tế đã mua, tối đa không quá 70.000.000 đồng là 145.000.000 x 29% x 3 máy = 126.150.000 đồng. Tuy nhiên, H đã sử dụng hồ sơ "khống" nâng giá trị mua bán 03 máy cấy cao hơn so với thực tế, trong đó thể hiện kinh phí mua sắm là 1.050.000.000 đồng để được cấp kinh phí hỗ trợ 210.000.000 đồng, chênh lệch với số tiền được hưởng theo giá trị máy thực tế gây thiệt hại cho ngân sách huyện Y là 210.000.000 - 126.150.000 = **83.850.000** đồng.

Như vậy Hoàng Việt H đã nâng khống giá mua 03 máy cấy để chiếm đoạt của ngân sách nhà nước số tiền 232.500.000 đồng + 83.850.000 đồng = **316.350.000** đồng.

Tại cơ quan điều tra bị cáo Hoàng Việt H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Việc thu giữ các tài liệu do bị cáo giao nộp, tài liệu do các cơ quan tổ chức cung cấp liên quan đến vụ án được chuyển theo hồ sơ giải quyết cùng vụ án.

Về trách nhiệm dân sự : Quá trình điều tra Hoàng Việt H tự nguyện nộp số tiền 200.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Cơ quan CSĐT đã nộp vào tài khoản tạm giữ mở tại Kho bạc nhà nước tỉnh Ninh Bình để chuyển theo hồ sơ vụ án xử lý theo quy định.

Bà Đinh Thị Mỹ H2, phó giám đốc Sở tài chính là người đại diện theo ủy quyền của UBND tỉnh N; ông Bùi Văn T3, phó trưởng phòng Nông nghiệp huyện Y là người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện Y Yêu cầu bị cáo Hoàng Việt H bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho ngân sách nhà nước.

Tại Bản cáo trạng số 10/CT-VKS-P1 ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố Hoàng Việt H vÒ téi: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; áp dụng điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tại phiên tòa sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, xem xét hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Hoàng Việt H phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b, s, v, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Việt H từ 30 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng, tính

từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UNBD xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Hoàng Việt H phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt của Ngân sách tỉnh Ninh Bình là 232.500.000 đồng; của Ngân sách huyện Y, tỉnh Ninh Bình là 83.850.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Hoàng Việt H đã nộp số tiền 200.000.000 đồng (số tiền trên hiện đang quản lý tại tài khoản số 3949.0.1054125.00000 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình tại Kho bạc nhà nước tỉnh N theo ủy nhiệm chi số 03 ngày 05/7/2024) và số tiền 116.350.000 đồng theo Biên lai thu số 0000108 ngày 12/7/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình để khắc phục hậu quả.

Bị cáo được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo yên tâm cải tạo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Trong 02 năm 2021 và 2022 với mục đích để nhận được tối đa số tiền hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp theo Nghị quyết số 113/NQ của Hội đồng nhân dân tỉnh và Nghị quyết số 74/NQ của Hội đồng nhân dân huyện Y, Hoàng Việt H đã dùng thủ đoạn gian dối, lập hợp đồng mua bán máy cấy, nâng khống giá trị mua máy cao hơn thực tế để đưa vào hồ sơ đề nghị hỗ trợ, chiếm đoạt tổng số tiền 316.350.000 đồng từ nguồn ngân sách nhà nước để sử dụng cho mục đích cá nhân. Hành vi nêu trên của Hoàng Việt H đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" thuộc trường hợp *"Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng"*, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Điều 174. Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) ...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) ……..

b) ……..

c) ……..

…

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

…

4……..

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo với tội danh và điều luật đã viện dẫn như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản và uy tín của các cơ quan Nhà nước; tác động xấu đến trật tự trị an và an toàn cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu trong dư luận quần chúng nhân dân. Do đó cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình; đã cùng gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại nộp lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của ngân sách Nhà nước để khắc phục hậu quả; bản thân bị cáo là thương binh hạng 3/4; năm 2003 được Chủ tịch nước tặng Huân chương chiến công hạng ba do đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ Quốc tế giúp Cách mạng Campuchia, góp phần tăng cường tình đoàn kết hữu nghị đặc biệt giữa nhân dân và quân đội hai nước Việt Nam - Campuchia; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, hiện tại chỉ có hai vợ chồng bị cáo ở cùng nhau, bị cáo phải chăm sóc vợ vì vợ bị cáo là người khuyết tật đặc biệt nặng và là người cao tuổi được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s, v, x khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nhân thân tốt nên được áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo dước mức thấp nhất của khung hình phạt và

áp dụng quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách nhất định là phù hợp, đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Hoàng Việt H phải trả lại tổng số tiền đã chiếm đoạt là 316.350.000 đồng, cụ thể: trả lại cho ngân sách tỉnh Ninh Bình thông qua UBND tỉnh N là 232.500.000 đồng; trả lại cho ngân sách huyện Y thông qua UBND huyện Y số tiền là 83.850.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo đã nộp số tiền 200.000.000 đồng tại giai đoạn điều tra và số tiền 116.350.000 đồng tại giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm theo Biên lai thu số 0000108 ngày 12/7/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Bị cáo đã nộp đủ số tiền đã chiếm đoạt.

[4] Đối với ông Phạm Đăng N1 là người xuất khống hóa đơn giá trị gia tăng bán 03 máy cấy cho Hoàng Việt H để chiếm đoạt tiền ngân sách nhà nước, N1 thu lời bất chính số tiền 52.500.000 đồng. Ngoài hành vi bán hóa đơn cho H, N1 còn bán 19 hóa đơn cho các tập thể cá nhân khác do vậy ngày 09/11/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Phạm Đăng N1 về tội "Mua bán trái phép hóa đơn" để điều tra xử lý.

Đối với những cá nhân thuộc Phòng Tài chính - Kế hoạch của Sở N; Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Y, Ủy ban nhân dân xã K đã buông lỏng quản lý, thiếu trách nhiệm trong việc kiểm tra, hướng dẫn các cá nhân, tổ chức thực hiện các dự án để nhận kinh phí hỗ trợ theo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân huyện Y Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra, làm rõ để xem xét xử lý trong một vụ án khác.

[5] Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của người tiến hành tố tụng và quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng do đó các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[6] Về án phí: Bị cáo là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b, s, v, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65; Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

1.Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Việt H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt: bị cáo Hoàng Việt H 33 (ba mươi ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 24/7/2024.

Giao bị cáo Hoàng Việt H cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Hoàng Việt H có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo Hoàng Việt H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

"Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".

2.Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Hoàng Việt H phải trả lại tổng số tiền đã chiếm đoạt là 316.350.000 đồng, cụ thể:

- Trả lại cho Ngân sách tỉnh Ninh Bình số tiền là 232.500.000đ (*hai trăm ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng)* thông qua Ủy ban nhân dân tỉnh N.

- Trả lại cho Ngân sách huyện Y, tỉnh Ninh Bình số tiền là 83.850.000đ *(tám mươi ba triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng)* thông qua Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Hoàng Việt H đã nộp số tiền 200.000.000 đồng (số tiền trên hiện đang quản lý tại tài khoản số 3949.0.1054125.00000 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình tại Kho bạc nhà nước tỉnh N theo ủy nhiệm chi số 03 ngày 05/7/2024) và số tiền 116.350.000 đồng theo Biên lai thu số 0000108 ngày 12/7/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình để khắc phục hậu quả.

3.Về án phí: Bị cáo được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Điều 6, 7,

7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao (01 bản);
- VKSND cấp cao (01 bản);
- VKSND tỉnh Ninh Bình (03 bản);
- Phòng Kiểm tra thi hành án (04 bản);
- Phòng PC03 Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản);
- Phòng HS&NV Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản);
- Phòng PC 10 Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản);
- Bị cáo (01 bản);
- Bị hại (02 bản);
- Người có QLNVLQ;
- Sở tư pháp (01 bản);
- Lưu hồ sơ (02 bản);
- Lưu tòa , Tổ hành chính tư pháp (02 bản);
(Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú)

T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Bùi Thị Thảo